



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11 - 40



## **BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO**

Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung ương I (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Việt Hoàng	Thành viên Hội đồng quản trị
Bà Bùi Hương Liên	Thành viên Hội đồng quản trị (Miễn nhiệm từ ngày 04/05/2024)
Ông Phan Quốc Duy	Thành viên Hội đồng quản trị (Bổ nhiệm từ ngày 04/05/2024)

#### **Ủy ban Kiểm toán**

Ông Nguyễn Việt Hoàng	Chủ tịch Ủy ban kiểm toán
Bà Bùi Hương Liên	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 04/05/2024)
Ông Phan Quốc Duy	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 04/05/2024)

#### **Ban Giám đốc và Kế toán trưởng**

Bà Nguyễn Thị Thu Hưng	Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Kế toán trưởng

**Người công bố thông tin:** Bà Nguyễn Thị Phượng – Trưởng Bộ phận Nội chính

### **CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ban Lãnh đạo Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO**

Ban Lãnh đạo Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Lãnh đạo được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;



## **BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO (TIẾP)**

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO (TIẾP)**

- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Lãnh đạo xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Lãnh đạo cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

### **CÁC CAM KẾT KHÁC**

Ban Lãnh đạo cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tuân thủ các quy định tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Lãnh đạo,



**Nguyễn Anh Tuấn**

**Chủ tịch Hội đồng quản trị**

*Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2025*

Số: 392 /2025/UHY-BCKT

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Thuốc thú y Trung ương I  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**Kính gửi:** Các cổ đông  
Ban Lãnh đạo  
Công ty Cổ phần Thuốc thú y Trung ương I

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Thuốc thú y Trung ương I (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 28 tháng 03 năm 2025, từ trang 06 đến trang 40 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Lãnh đạo cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung ương I tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



**Nguyễn Minh Long**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0666-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2025

**Nguyễn Minh Thắng**  
**Kiểm toán viên**

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 4421-2023-112-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31/12/2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>59.693.573.390</b>	<b>50.438.415.582</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>28.209.029.640</b>	<b>24.171.520.460</b>
Tiền	111		6.887.029.640	10.734.520.460
Các khoản tương đương tiền	112		21.322.000.000	13.437.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>10.252.671.297</b>	<b>6.690.200.055</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	11.501.916.707	8.865.061.546
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	1.564.831.000	828.294.792
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	4.454.169.129	4.265.089.256
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(7.268.245.539)	(7.268.245.539)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>11</b>	<b>19.444.138.888</b>	<b>17.446.220.537</b>
Hàng tồn kho	141		21.334.861.658	19.289.321.310
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.890.722.770)	(1.843.100.773)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.787.733.565</b>	<b>2.130.474.530</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5	277.093.435	415.245.948
Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.320.066.631	1.715.228.582
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	190.573.499	-
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>96.082.908.132</b>	<b>100.746.612.968</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>19.965.000</b>	<b>19.965.000</b>
Phải thu dài hạn khác	216	9	19.965.000	19.965.000
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>94.731.229.420</b>	<b>99.590.696.538</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	12	93.532.686.424	98.272.299.234
- Nguyên giá	222		165.217.987.866	164.145.087.866
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(71.685.301.442)	(65.872.788.632)
Tài sản cố định vô hình	227	13	1.198.542.996	1.318.397.304
- Nguyên giá	228		2.416.877.460	2.416.877.460
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.218.334.464)	(1.098.480.156)
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>6</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		866.640.000	866.640.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(866.640.000)	(866.640.000)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.331.713.712</b>	<b>1.135.951.430</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	5	1.331.713.712	1.135.951.430
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>155.776.481.522</b>	<b>151.185.028.550</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**

Tại ngày 31/12/2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>54.381.724.462</b>	<b>53.367.941.702</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>42.042.724.462</b>	<b>41.548.941.702</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	23.935.611.810	25.587.473.439
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		311.292.114	46.720.730
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	1.560.370.236	975.361.316
Phải trả người lao động	314		6.393.780.663	5.266.455.107
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	4.399.433.352	4.154.432.573
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		15.000.000	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	4.738.179.361	4.784.641.611
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		689.056.926	733.856.926
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>12.339.000.000</b>	<b>11.819.000.000</b>
Phải trả dài hạn khác	337	18	539.000.000	19.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	16	11.800.000.000	11.800.000.000
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>101.394.757.060</b>	<b>97.817.086.848</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>101.394.757.060</b>	<b>97.817.086.848</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		162.499.690.000	162.499.690.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		162.499.690.000	162.499.690.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		278.962.752	278.962.752
Cổ phiếu quỹ	415		(130.000)	(130.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		3.559.312.727	3.559.312.727
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(64.943.078.419)	(68.520.748.631)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(68.520.748.631)	(71.652.033.319)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		3.577.670.212	3.131.284.688
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>155.776.481.522</b>	<b>151.185.028.550</b>

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Nguyễn Thị Phụng

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Hà

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Nguyễn Anh Tuấn



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	112.835.573.099	97.602.141.142
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	3.721.888.494	3.262.656.485
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		109.113.684.605	94.339.484.657
Giá vốn hàng bán	11	22	81.890.664.520	70.890.591.630
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		27.223.020.085	23.448.893.027
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	588.623.333	546.117.635
Chi phí tài chính	22	24	851.079.637	666.642.094
Chi phí bán hàng	25	25	12.814.330.333	11.767.874.117
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	9.871.641.901	8.971.513.174
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.274.591.547	2.588.981.277
Thu nhập khác	31	26	1.002.070.898	1.803.081.956
Chi phí khác	32	27	183.015.934	123.284.780
Lợi nhuận khác	40		819.054.964	1.679.797.176
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.093.646.511	4.268.778.453
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	1.315.976.299	887.493.765
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.777.670.212	3.381.284.688
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	220	195
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	31	220	195

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Nguyễn Thị Phụng

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Hà

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Nguyễn Anh Tuấn

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
**(Theo phương pháp gián tiếp)**  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024*

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>5.093.646.511</b>	<b>4.268.778.453</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	6.054.633.822	5.306.229.370
Các khoản dự phòng	03	47.621.997	396.041.795
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	111.480.005	35.465.195
(Lãi)/lỗ hoạt động đầu tư	05	(497.729.905)	(455.113.273)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>10.809.652.430</b>	<b>9.551.401.540</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(3.204.660.398)	(7.588.228.967)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(2.045.540.348)	(290.078.657)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	270.938.127	15.281.492.163
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(57.609.769)	571.324.223
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(740.773.874)	(359.978.683)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(244.800.000)	(232.850.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>4.787.206.168</b>	<b>16.933.081.619</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.203.900.000)	(15.414.462.596)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	47.630.340	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	405.610.469	455.113.273
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(750.659.191)</b>	<b>(14.959.349.323)</b>



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP)**

**(Theo phương pháp gián tiếp)**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024*

Chỉ tiêu	Mã	Thuyết số minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	20.000.000.000
Tiền thu từ đi vay	33		-	2.000.000.000
Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(20.000.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>-</b>	<b>2.000.000.000</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>4.036.546.977</b>	<b>3.973.732.296</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>4</b>	<b>24.171.520.460</b>	<b>20.196.962.471</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		962.203	825.693
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>28.209.029.640</b>	<b>24.171.520.460</b>

*Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2025*

**Người lập biểu**



**Nguyễn Thị Phượng**

**Kế toán trưởng**



**Nguyễn Thị Thu Hà**

**Chủ tịch Hội đồng quản trị**



**Nguyễn Anh Tuấn**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung ương I, (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển từ doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100102326 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 07/06/2000. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về chức năng kinh doanh, vốn điều lệ, trụ sở chính của Công ty cũng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội chuẩn y tại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất đến lần thứ 15 ngày 15/12/2023.

Vốn điều lệ thực góp theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần của Công ty đến ngày 31/12/2024 là 162.499.690.000 đồng (Một trăm sáu mươi hai tỷ, bốn trăm chín mươi chín triệu, sáu trăm chín mươi nghìn đồng).

Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại Số 88 Trường Chinh, Đống Đa, Hà Nội.

**1.2 NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH**

Trong năm tài chính 2024, hoạt động chính của Công ty là kinh doanh hoạt động sản xuất kinh doanh thuốc thú y, phân phối vắc xin và cho thuê thuê địa điểm kinh doanh.

**1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**1.4 CẤU TRÚC CÔNG TY**

Tại thời điểm lập báo cáo, Công ty chỉ sở hữu trực tiếp 1 công ty con là Công ty TNHH Thuốc thú y TW 1 có trụ sở chính tại xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty con này là sản xuất kinh doanh thuốc thú y, phân phối vắc xin.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại Công ty con là 100%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Công ty có đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân, hạch toán phụ thuộc tại thành phố Hồ Chí Minh.

**1.5 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty đã được kiểm toán.

**1.6 NHÂN VIÊN**

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 80 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 85 nhân viên).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**2.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Ban Lãnh đạo đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính, các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

**2.3 NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2.4 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

**3.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính của Công ty được hợp nhất từ Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung ương I (Công ty mẹ) và Công ty TNHH Thuốc Thú y TW1 (Công ty con). Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các Công ty trong Nhóm Công ty các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)****3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.3 NGOẠI TỆ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:

Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)****3.4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn,. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

**3.5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

*Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá (trừ công ty nhà nước thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật).

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính khi các khoản đầu tư có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

**3.6 CÁC KHOẢN PHẢI THU**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

#### 3.7 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá xuất của nguyên vật liệu được tính theo phương pháp bình quân gia quyền, giá xuất của hàng hóa được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có sự suy giảm giá trị (giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được). Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

#### 3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 45
- Máy móc, thiết bị	05 - 15
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 12
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 15

#### 3.9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)****3.9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH (TIẾP)**

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất và phần mềm máy vi tính.

***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao trong 18 năm.

***Chương trình phần mềm***

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

**3.10 CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

**3.11 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay.

Các khoản vay, nợ thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ.

**3.12 CHI PHÍ ĐI VAY**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)****3.12 CHI PHÍ ĐI VAY (TIẾP)**

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

**3.13 VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

*Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

*Vốn khác của chủ sở hữu*

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

*Cổ phiếu quỹ*

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

**3.14 PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, danh sách cổ đông được chốt chính thức.

**3.15 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm thuốc thú y, phân phối vắc xin và cho thuê địa điểm kinh doanh.

*Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa*

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)****3.15 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP (TIẾP)**

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

*Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được nhận quyền cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức nhận được bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi theo số lượng cổ phiếu tăng thêm, không được ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

**3.16 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá....

**3.17 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC***Thuế giá trị gia tăng (VAT)*

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

*Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

#### 3.17 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (TIẾP)

##### Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

##### Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

#### 3.18 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, các giao dịch và số dư bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

#### 3.19 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp hàng hoá, dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp hàng hoá, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý. Kết quả của bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân chia bao gồm tài sản và nợ phải trả, thu nhập hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp lợi nhuận và lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>31/12/2024</b>	<b>01/01/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Tiền mặt	478.618.390	376.363.355
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.408.411.250	10.358.157.105
- Các khoản tương đương tiền	21.322.000.000	13.437.000.000
<b>Cộng</b>	<b>28.209.029.640</b>	<b>24.171.520.460</b>

**5. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<b>31/12/2024</b>	<b>01/01/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>277.093.435</b>	<b>415.245.948</b>
- Phí kiểm định, phí sử dụng đường bộ, bảo hiểm thân vỏ xe	84.898.010	50.936.358
- Phần mềm diệt virus, phần mềm quản lý kho, phần mềm kế toán	6.753.364	4.994.169
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	152.421.638	351.717.087
- Chi phí phân bổ ngắn hạn khác	33.020.423	7.598.334
<b>b) Dài hạn</b>	<b>1.331.713.712</b>	<b>1.135.951.430</b>
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	476.342.820	443.526.452
- Giấy phép xả thải	188.461.811	32.222.202
- Phí đăng ký gia hạn lưu hành sản phẩm thuốc	133.969.007	59.816.250
- Phí bảo trì phần mềm kế toán	43.799.171	7.433.608
- Phí sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, tài sản	23.404.026	352.959.616
- Chi phí trả trước dài hạn khác	465.736.877	239.993.302
<b>Cộng</b>	<b>1.608.807.147</b>	<b>1.551.197.378</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào đơn vị khác	866.640.000	866.640.000	866.640.000	866.640.000
+ Công ty Cổ phần giống gia cầm Lương Mỹ	866.640.000	866.640.000	866.640.000	866.640.000
Cộng	866.640.000	866.640.000	866.640.000	866.640.000

(\*) Tại thời điểm 31/12/2024, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	11.501.916.707	(3.082.495.695)	8.865.061.546	(3.082.495.695)
- Công ty TNHH Advance Pharma Việt Nam	1.568.794.500	-	251.793.360	-
- Công ty Cổ phần Chăn nuôi Mavin	-	-	852.832.987	-
- Công ty Cổ phần Chăn nuôi C.P Việt Nam	1.013.174.442	-	-	-
- FOSHAN STANDARD BIO-TECH CO., LTD.	-	-	1.873.380.300	-
- Các đối tượng khác	8.919.947.765	(3.082.495.695)	5.887.054.899	(3.082.495.695)
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	11.501.916.707	(3.082.495.695)	8.865.061.546	(3.082.495.695)



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	1.564.831.000	(679.354.252)	828.294.792	(679.354.252)
- Công ty Cổ Phần Công Nghệ Nguyễn Vinh	556.006.880	-	-	-
- Công ty Cổ phần Công nghệ Goldsun Việt Nam	549.354.252	(549.354.252)	20.295.000	(549.354.252)
- Công ty Cổ phần Công nghệ Hoàng Hải	130.000.000	(130.000.000)	130.000.000	(130.000.000)
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Ao Sen	329.469.868	-	128.645.540	-
- Các đối tượng khác	-	-	-	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	1.564.831.000	(679.354.252)	828.294.792	(679.354.252)

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	8.457.448.032	(706.194.074)	6.854.491.894	(574.000.074)
Công cụ, dụng cụ	9.116.662	-	37.458.334	-
Thành phẩm	5.838.741.243	(1.184.528.696)	4.724.063.235	(1.269.100.699)
Hàng hóa	7.029.555.721	-	7.673.307.847	-
Cộng	21.334.861.658	(1.890.722.770)	19.289.321.310	(1.843.100.773)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

10. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	4.454.169.129	(3.506.395.592)	4.265.089.256	(3.506.395.592)
- Tạm ứng	170.931.656	-	1.127.699	-
- Ký cược, ký quỹ	300.000	-	300.000	-
- Phải thu khác	4.282.937.473	(3.506.395.592)	4.259.008.207	(3.506.395.592)
+ Ông Lê Hữu Tuấn	637.379.708	-	637.379.708	-
+ Ông Nguyễn huy Đức	629.034.000	(629.034.000)	629.034.000	(629.034.000)
+ Ông Đỗ Hoàng Hòa	912.020.000	(912.020.000)	912.020.000	(912.020.000)
+ Ông Lê Đức Hùng	472.000.000	(472.000.000)	472.000.000	(472.000.000)
+ Các đối tượng khác	1.632.503.765	(1.493.341.592)	1.608.574.499	(1.493.341.592)
- Phải thu thuế TNCN lãi vay đã trả	-	-	4.653.350	-
b) Dài hạn	19.965.000	-	19.965.000	-
- Ký cược, ký quỹ	19.965.000	-	19.965.000	-
Cộng	4.474.134.129	(3.506.395.592)	4.285.054.256	(3.506.395.592)

c) Phải thu khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 33.1.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

11. NỢ XẤU	31/12/2024				01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá trị VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải thu quá hạn thanh toán						
Công ty TNHH Thuốc Thú y TW1	1.568.793.545	-	1.568.793.545	1.568.793.545	-	1.568.793.545
+ Công ty TNHH Dược thú y Nam Dương	386.359.818	-	386.359.818	386.359.818	-	386.359.818
+ Công ty CP Xuất nhập khẩu Biovet	81.761.832	-	81.761.832	81.761.832	-	81.761.832
+ Công ty CP Thú y Thủy sản Trung ương	190.437.586	-	190.437.586	190.437.586	-	190.437.586
+ Ông Thái Duy Phúc	196.941.127	-	196.941.127	196.941.127	-	196.941.127
+ Các đối tượng khác	713.293.182	-	713.293.182	713.293.182	-	713.293.182
Công ty CP Thuốc Thú y Trung ương I	5.699.451.994	-	5.699.451.994	5.699.451.994	-	5.699.451.994
Phải thu khách hàng	1.513.702.150	-	1.513.702.150	1.513.702.150	-	1.513.702.150
+ Ông Trần Văn Điệp	65.276.477	-	65.276.477	65.276.477	-	65.276.477
+ Ông Nguyễn Văn Thiên	29.920.213	-	29.920.213	29.920.213	-	29.920.213
+ Các đối tượng khác	1.418.505.460	-	1.418.505.460	1.418.505.460	-	1.418.505.460
Trả trước cho người bán	679.354.252	-	679.354.252	679.354.252	-	679.354.252
+ Công ty CP Công nghệ Hoàng Hải	549.354.252	-	549.354.252	549.354.252	-	549.354.252
+ Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Thương mại Ao Sen	130.000.000	-	130.000.000	130.000.000	-	130.000.000
Phải thu khác	3.506.395.592	-	3.506.395.592	3.506.395.592	-	3.506.395.592
+ Ông Nguyễn Huy Đức	629.034.000	-	629.034.000	629.034.000	-	629.034.000
+ Ông Đỗ Hoàng Hòa	912.020.000	-	912.020.000	912.020.000	-	912.020.000
+ Ông Lê Đức Hùng	472.000.000	-	472.000.000	472.000.000	-	472.000.000
+ Các đối tượng khác	1.493.341.592	-	1.493.341.592	1.493.341.592	-	1.493.341.592
Cộng	7.268.245.539	-	7.268.245.539	7.268.245.539	-	7.268.245.539

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2024	125.477.179.593	29.768.435.225	4.489.540.988	4.409.932.060	164.145.087.866
- Mua trong năm	-	1.203.900.000	-	-	1.203.900.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	(131.000.000)	-	-	(131.000.000)
31/12/2024	125.477.179.593	30.841.335.225	4.489.540.988	4.409.932.060	165.217.987.866
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2024	(37.045.696.706)	(20.999.327.035)	(3.653.515.684)	(4.174.249.207)	(65.872.788.632)
- Khấu hao trong năm	(3.765.689.805)	(1.702.210.900)	(363.393.664)	(103.485.145)	(5.934.779.514)
- Thanh lý, nhượng bán	-	122.266.704	-	-	122.266.704
31/12/2024	(40.811.386.511)	(22.579.271.231)	(4.016.909.348)	(4.277.734.352)	(71.685.301.442)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2024	88.431.482.887	8.769.108.190	836.025.304	235.682.853	98.272.299.234
31/12/2024	84.665.793.082	8.262.063.994	472.631.640	132.197.708	93.532.686.424

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 22.532.186.496 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 20.571.947.645 đồng).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	Quyền sử dụng đất		Phần mềm máy vi tính		Cộng
	VND		VND		VND
NGUYÊN GIÁ	2.157.377.460		259.500.000		2.416.877.460
	2.157.377.460		259.500.000		2.416.877.460
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	(838.980.156)		(259.500.000)		(1.098.480.156)
	(119.854.308)		-		(119.854.308)
	(958.834.464)		(259.500.000)		(1.218.334.464)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	1.318.397.304		-		1.318.397.304
	1.198.542.996		-		1.198.542.996

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 259.500.000 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 259.500.000 đồng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>23.935.611.810</b>	<b>25.587.473.439</b>
- Zhaoqing Dahuanong Biology Medicine Co.,ltd	10.845.204.991	12.050.317.620
- Guangdong Wens Dahuanong Biotechnology	2.045.554.293	739.437.600
- Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Thái Sơn	1.994.287.641	2.238.621.789
- Công ty Cổ phần Thành Nhơn	-	619.827.064
- Công ty TNHH Công trình Thiết kế Nam Ninh Công nghiệp nhẹ Trung Quốc	1.995.836.391	1.907.491.865
- Các đối tượng khác	7.054.728.494	8.031.777.501
<b>b) Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>23.935.611.810</b>	<b>25.587.473.439</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2024		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		31/12/2024	
	VND		VND		VND		VND	
Thuế và các khoản phải nộp								
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	230.012.389		3.143.950.449		3.139.067.198		234.895.640	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	590.493.765		1.315.976.299		740.773.874		1.165.696.190	
- Thuế thu nhập cá nhân	73.435.264		473.792.528		468.869.284		78.358.508	
- Thuế tài nguyên	297.600		3.513.600		3.513.600		297.600	
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-		166.857.233		166.857.233		-	
- Các loại thuế khác	-		7.000.000		7.000.000		-	
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	81.122.298		1.388.638		1.388.638		81.122.298	
Cộng	975.361.316		5.112.478.747		4.527.469.827		1.560.370.236	

	01/01/2024		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		31/12/2024	
	VND		VND		VND		VND	
Thuế và các khoản phải thu								
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-		454.547.754		645.121.253		190.573.499	
Cộng	-		454.547.754		645.121.253		190.573.499	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Nội dung	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn	11.800.000.000	11.800.000.000	-	11.800.000.000
+ Các cá nhân khác (*)	11.800.000.000	11.800.000.000	-	11.800.000.000
Cộng	11.800.000.000	11.800.000.000	-	11.800.000.000

(\*) Vay các cá nhân dài hạn với lãi suất 0%



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>4.399.433.352</b>	<b>4.154.432.573</b>
- Chi phí chiết khấu	2.455.646.815	2.083.057.329
- Chi phí bán hàng phải trả CBCNV	1.666.406.500	1.750.406.500
- Các khoản trích trước khác	277.380.037	320.968.744
<b>b) Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>4.399.433.352</b>	<b>4.154.432.573</b>

**18. PHẢI TRẢ PHẢI NỘP KHÁC**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>4.738.179.361</b>	<b>4.784.641.611</b>
- Kinh phí công đoàn	517.555.337	429.017.587
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.220.624.024	4.355.624.024
Công ty TNHH Thuốc Thú y TW 1	238.020.116	238.020.116
+ Phải trả hàng tồn kho ký gửi cho khách	144.274.473	144.274.473
+ Các khoản phải trả phải nộp khác	93.745.643	93.745.643
Công ty CP Thuốc Thú y Trung ương I	3.982.603.908	4.117.603.908
+ Tiền khấu trừ thuế TNCN của khách lẻ	390.212.000	390.212.000
+ Ông Nguyễn Anh Tuấn	300.000.000	400.000.000
+ Ông Lê Anh Tuấn	136.723.837	136.723.837
+ Ông Lê Đức Liên	1.370.604.981	1.370.604.981
+ Các đối tượng khác	12.900.000	1.059.377.830
+ Bà Nguyễn Thị Thu Hà	747.785.260	12.900.000
+ Ông Lê Hữu Tuấn	1.024.377.830	747.785.260
<b>b) Dài hạn</b>	<b>539.000.000</b>	<b>19.000.000</b>
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	539.000.000	19.000.000
<b>Cộng</b>	<b>5.277.179.361</b>	<b>4.803.641.611</b>

**c) Phải trả, phải nộp khác là các bên liên quan:** Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 33.1.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Vốn khác của chủ sở hữu		Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND		VND	VND	VND
01/01/2023	142.499.690.000	278.962.752	(130.000)	3.559.312.727		(71.652.033.319)	74.685.802.160	
- Tăng vốn trong năm trước	20.000.000.000	-	-	-		-	20.000.000.000	
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-		3.381.284.688	3.381.284.688	
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-		(250.000.000)	(250.000.000)	
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi tại Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung ương I	-	-	-	-		(50.000.000)	(50.000.000)	
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi tại Công ty TNHH Thuốc Thú y TW I	-	-	-	-		(200.000.000)	(200.000.000)	
31/12/2023	162.499.690.000	278.962.752	(130.000)	3.559.312.727		(68.520.748.631)	97.817.086.848	
01/01/2024	162.499.690.000	278.962.752	(130.000)	3.559.312.727		(68.520.748.631)	97.817.086.848	
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-		3.777.670.212	3.777.670.212	
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-		(200.000.000)	(200.000.000)	
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi tại Công ty TNHH Thuốc Thú y TW I	-	-	-	-		(200.000.000)	(200.000.000)	
(*)	162.499.690.000	278.962.752	(130.000)	3.559.312.727		(64.943.078.419)	101.394.757.060	
31/12/2024	162.499.690.000	278.962.752	(130.000)	3.559.312.727		(64.943.078.419)	101.394.757.060	

(\*) Phân phối lợi nhuận theo Tờ trình số 01/2025/TT-TW1 ngày 18/03/2025 của Công ty TNHH Thuốc Thú y TW 1, đã được Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung ương I phê duyệt.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**19.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Bà Nguyễn Thị Hương	6.702.490.000	6.702.490.000
- Ông Lê Chí Cường	10.000.000.000	10.000.000.000
- Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	40.000.000.000	40.000.000.000
- Ông Thân Hoài Nhân	4.184.490.000	4.184.490.000
- Ông Chu Văn Chung	20.000.000.000	20.000.000.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	81.612.710.000	81.612.710.000
<b>Cộng</b>	<b>162.499.690.000</b>	<b>162.499.690.000</b>

**19.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
+ Vốn góp đầu năm	142.499.690.000	142.499.690.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	20.000.000.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	162.499.690.000	162.499.690.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**19.4 CỔ PHIẾU**

	31/12/2024	01/01/2024
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	16.249.969	16.249.969
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	16.249.969	16.249.969
+ Cổ phiếu phổ thông	16.249.969	16.249.969
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	13	13
+ Cổ phiếu phổ thông	13	13
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.249.956	16.249.956
+ Cổ phiếu phổ thông	16.249.956	16.249.956
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

**19.5 CÁC QUỸ**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	3.559.312.727	3.559.312.727

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<b>Năm 2024</b>	<b>Năm 2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Doanh thu</b>	<b>112.835.573.099</b>	<b>97.602.141.142</b>
- Doanh thu bán hàng	109.612.334.562	92.716.617.262
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.223.238.537	4.885.523.880
<b>Cộng</b>	<b>112.835.573.099</b>	<b>97.602.141.142</b>

**21. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	<b>Năm 2024</b>	<b>Năm 2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>3.721.888.494</b>	<b>3.262.656.485</b>
Trong đó:		
+ Chiết khấu thương mại	3.721.888.494	2.896.023.237
+ Hàng bán bị trả lại	-	366.633.248
<b>Cộng</b>	<b>3.721.888.494</b>	<b>3.262.656.485</b>

**22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<b>Năm 2024</b>	<b>Năm 2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Giá vốn hàng hóa đã bán	81.705.959.313	70.319.905.522
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	137.083.210	174.644.313
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	47.621.997	396.041.795
<b>Cộng</b>	<b>81.890.664.520</b>	<b>70.890.591.630</b>

**23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>Năm 2024</b>	<b>Năm 2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	450.099.565	455.113.273
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	138.523.768	74.123.921
- Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	-	16.880.441
<b>Cộng</b>	<b>588.623.333</b>	<b>546.117.635</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	488.846.636	355.143.651
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	111.480.005	52.345.636
- Phí mở L/C	246.070.743	229.149.935
- Chi phí tài chính khác	4.682.253	30.002.872
<b>Cộng</b>	<b>851.079.637</b>	<b>666.642.094</b>

**25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
<i>a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	<i>9.871.641.901</i>	<i>8.971.513.174</i>
- Chi phí nhân viên quản lý	4.328.250.784	4.447.552.287
- Chi phí vật liệu quản lý	195.161.401	261.969.788
- Chi phí đồ dùng văn phòng	347.962.055	370.146.451
- Chi phí khấu hao Tài sản cố định	1.337.215.455	1.342.180.724
- Thuế, phí và lệ phí	548.976.387	540.608.208
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.627.094.043	1.190.001.806
- Chi phí bằng tiền khác	1.486.981.776	819.053.910
<i>b) Các khoản chi phí bán hàng</i>	<i>12.814.330.333</i>	<i>11.767.874.117</i>
- Chi phí nhân viên	6.237.590.320	6.229.971.901
- Chi phí vật liệu, bao bì	5.237.496	17.090.544
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	153.642.012	128.924.619
- Chi phí khấu hao TSCĐ	276.830.427	344.314.732
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.392.739.280	2.783.952.333
- Chi phí bằng tiền khác	1.748.290.798	2.263.619.988
<b>Cộng</b>	<b>22.685.972.234</b>	<b>20.739.387.291</b>

**26. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Thu nhập hàng thừa do kiểm kê	28.757.256	46.682.064
- Tiền hỗ trợ kỹ thuật của nhà cung cấp	879.543.073	1.734.611.389
- Thanh lý tài sản cố định, công cụ dụng cụ	47.630.340	-
- Các khoản khác	46.140.229	21.788.503
<b>Cộng</b>	<b>1.002.070.898</b>	<b>1.803.081.956</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**27. CHI PHÍ KHÁC**

	<b>Năm 2024</b>	<b>Năm 2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Chi phí hàng thiếu do kiểm kê	10.334.768	3.885.697
- Thù lao HĐQT	84.000.000	84.000.000
- Chi nộp phạt	88.661.815	22.659.591
- Các khoản chi phí khác	19.351	12.739.492
<b>Cộng</b>	<b>183.015.934</b>	<b>123.284.780</b>

**28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<b>Năm 2024</b>	<b>Năm 2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Chi phí nguyên vật liệu	27.574.983.327	18.454.753.528
- Chi phí nhân công	15.654.537.608	14.170.052.153
- Khấu hao tài sản cố định	6.054.633.822	5.306.229.370
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.119.210.682	5.972.933.848
- Chi phí dự phòng	47.621.997	396.041.795
- Chi phí bằng tiền khác	4.415.932.108	4.619.668.186
<b>Cộng</b>	<b>60.866.919.544</b>	<b>48.919.678.880</b>

**29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	<b>Năm 2024</b>	<b>Năm 2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung ương I	42.997.854	446.794.674
Công ty TNHH Thuốc Thú y TW 1	1.272.978.445	440.699.091
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>1.315.976.299</b>	<b>887.493.765</b>

**30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	<b>Năm 2024</b>	<b>Năm 2023</b>
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	3.777.670.212	3.381.284.688
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	200.000.000	250.000.000
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	16.249.956	16.030.791
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)</b>	<b>220</b>	<b>195</b>

**31. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

Ban Lãnh đạo đánh giá trong thời gian tiếp theo không có sự tác động của các công cụ có thể chuyển thành cổ phiếu pha loãng giá trị cổ phiếu do đó lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**32. BẢO CÁO BỘ PHẬN**

Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu, các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Theo đó, hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm: Hoạt động kinh doanh sản xuất thuốc thú y và hoạt động cung cấp dịch vụ.

Bộ phận theo lĩnh vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác. Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty phát sinh tại Việt Nam. Vì vậy, Công ty xác định không có sự khác biệt về khu vực địa lý cho toàn bộ hoạt động của Công ty.

Thông tin về báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty cho năm tài chính 2024 như sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**32. BÁO CÁO BỘ PHẬN ( TIẾP)****Năm 2024**

Chỉ tiêu	Sản xuất kinh doanh thuốc thú y VND	Dịch vụ VND	Tổng cộng VND
<b>KẾT QUẢ KINH DOANH</b>			
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	105.890.446.068	3.223.238.537	109.113.684.605
- Chi phí kinh doanh	101.939.905.067	2.636.731.687	104.576.636.754
+ Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	81.753.581.310	137.083.210	81.890.664.520
+ Chi phí bán hàng	12.798.616.090	15.714.243	12.814.330.333
+ Chi phí quản lý doanh nghiệp	7.387.707.667	2.483.934.234	9.871.641.901
- Kết quả hoạt động kinh doanh	3.950.541.001	586.506.850	4.537.047.851
- Thu nhập từ hoạt động tài chính	-	-	(262.456.304)
- Lợi nhuận khác	-	-	819.054.964
- Lợi nhuận trước thuế	<b>3.950.541.001</b>	<b>586.506.850</b>	<b>5.093.646.511</b>
<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Sản xuất kinh doanh thuốc thú y VND</b>	<b>Dịch vụ VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	28.156.669.635	52.360.005	28.209.029.640
Các khoản phải thu ngắn hạn	9.579.600.869	673.070.428	10.252.671.297
Hàng tồn kho	19.435.022.226	9.116.662	19.444.138.888
Tài sản ngắn hạn khác	1.464.603.572	323.129.993	1.787.733.565
Các khoản phải thu dài hạn	19.965.000	-	19.965.000
Tài sản cố định	90.876.987.190	3.854.242.230	94.731.229.420
Tài sản dài hạn khác	1.331.713.712	-	1.331.713.712
<b>Tổng Tài sản</b>	<b>150.864.562.204</b>	<b>4.911.919.318</b>	<b>155.776.481.522</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>			
Nợ phải trả bộ phận	26.941.146.261	15.101.578.201	42.042.724.462
Nợ phải trả không phân bổ	11.800.000.000	539.000.000	12.339.000.000
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>26.941.146.261</b>	<b>15.101.578.201</b>	<b>42.042.724.462</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**32. BÁO CÁO BỘ PHẬN ( TIẾP)****Năm 2023**

Chỉ tiêu	Sản xuất kinh doanh thuốc thú y VND	Dịch vụ VND	Tổng cộng VND
<b>KẾT QUẢ KINH DOANH</b>			
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	89.453.960.777	4.885.523.880	94.339.484.657
- Chi phí kinh doanh	89.337.364.814	2.292.614.107	91.629.978.921
+ Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	70.715.947.317	174.644.313	70.890.591.630
+ Chi phí bán hàng	11.692.250.077	75.624.040	11.767.874.117
+ Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.929.167.420	2.042.345.754	8.971.513.174
- Kết quả hoạt động kinh doanh	116.595.963	2.592.909.773	2.709.505.736
- Thu nhập từ hoạt động tài chính	-	-	(120.524.459)
- Lợi nhuận khác	-	-	1.679.797.176
- Lợi nhuận trước thuế	116.595.963	2.592.909.773	4.268.778.453

Chỉ tiêu	Sản xuất kinh doanh thuốc thú y VND	Dịch vụ VND	Tổng cộng VND
<b>TÀI SẢN</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	24.016.277.171	155.243.289	24.171.520.460
Các khoản phải thu ngắn hạn	6.034.539.747	655.660.308	6.690.200.055
Hàng tồn kho	17.408.762.203	37.458.334	17.446.220.537
Tài sản ngắn hạn khác	1.997.918.036	132.556.494	2.130.474.530
Các khoản phải thu dài hạn	19.965.000	-	19.965.000
Tài sản cố định	95.419.515.676	4.171.180.862	99.590.696.538
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	1.135.951.430	-	1.135.951.430
<b>Tổng Tài sản</b>	<b>146.032.929.263</b>	<b>5.152.099.287</b>	<b>151.185.028.550</b>

**NỢ PHẢI TRẢ**

Nợ phải trả bộ phận	25.554.380.752	15.994.560.950	41.548.941.702
Nợ phải trả không phân bổ	11.800.000.000	19.000.000	11.819.000.000
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>37.354.380.752</b>	<b>16.013.560.950</b>	<b>53.367.941.702</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**33. THÔNG TIN KHÁC**

**33.1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, Công ty có Giao dịch với các Bên liên quan bao gồm:

Tên	Mối quan hệ
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Nguyễn Thị Thu Hưng	Quyền Giám đốc Công ty TNHH Thuốc Thủ y TW I
Lê Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH thuốc thủ y TW I

**Thu nhập của các thành viên chủ chốt được hưởng trong năm**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tiền lương và phụ cấp	662.200.000	643.444.538
Tiền thù lao	84.000.000	84.000.000
<b>Cộng</b>	<b>746.200.000</b>	<b>727.444.538</b>

Họ và tên	Chức danh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	36.000.000	36.000.000
Ông Nguyễn Việt Hoàng	Thành viên HĐQT	24.000.000	24.000.000
Ông Tô Giang Nam	Thành viên HĐQT	-	8.000.000
Bà Bùi Hương Liên	Thành viên HĐQT	8.000.000	16.000.000
Ông Phan Quốc Duy	Thành viên HĐQT	16.000.000	-
Ông Nguyễn Thị Thu	Giám đốc Công ty TNHH	662.200.000	552.747.000
Ông Lê Anh Tuấn	Chủ tịch công ty TNHH	-	90.697.538

**Giao dịch với các bên liên quan**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
<b>Ông Nguyễn Anh Tuấn</b>	<b>100.000.000</b>	<b>-</b>
Chuyển trả tiền vay	100.000.000	-

**Số dư với các bên liên quan**

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>Phải trả khác</b>	<b>300.000.000</b>	<b>400.000.000</b>
Ông Nguyễn Anh Tuấn	300.000.000	400.000.000



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**33. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**33.2 SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung ương I cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Nguyễn Thị Phụng

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Hà

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Nguyễn Anh Tuấn

ẤN UY